

*Phụ lục số 16*

Mẫu Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)*

## **BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

*Năm 2014*

### **1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ETF VFMVN30**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu chính của Quỹ ETF VFMVN30 là là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (nếu có) :Danh mục chỉ số VN30



Mã cổ phiếu và tỷ trọng tại ngày 31/12/2014 như sau :

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng
VIC	11.3%	HAG	3.8%	DRC	1.1%
MSN	9.4%	KDC	3.7%	HSG	1.1%
VNM	9.1%	SSI	2.8%	BVH	1.1%
STB	8.0%	CTG	2.5%	HCM	0.8%
HPG	7.5%	REE	2.4%	CSM	0.7%
FPT	6.4%	DPM	2.3%	PVT	0.6%
EIB	5.4%	FLC	1.5%	CII	0.6%
PVD	4.3%	GMD	1.4%	VSH	0.5%
VCB	4.1%	ITA	1.4%	IJC	0.5%
MBB	4.1%	PPC	1.2%	OGC	0.4%

e) Chính sách phân chia lợi nhuận :

Được quy định theo điều lệ quỹ. Theo đó, Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 18/09/2014	20,200,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	4,100,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ	4,100,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2014	20,200,000	Ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có) : Nghị quyết Đại hội thành lập Quỹ số 02/ETF-2014/NQĐH ngày 06/10/2014 (đính kèm theo Văn bản này)

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF : CTQLQ đáp ứng đúng các quy định tại điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ ETF.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

-Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có) : Không có số liệu năm trước do đây là kỳ báo cáo đầu tiên của Quỹ , Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 18/09/2013 theo giấy chứng nhận số 14/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau :

Cổ phiếu	99.7%
Tiền và tương đương tiền	0.3%
Tổng	100.0%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau :

Ngân Hàng	24.1%
Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	22.3%
Bất Động Sản	12.5%
Vật Liệu	10.9%
Dịch Vụ Tài Chính	7.8%
Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	6.4%
Năng Lượng	4.9%
Hàng Hóa Công Nghiệp	4.2%
Vận Tải	2.0%
Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô	1.8%
Tiện ích Công Cộng	1.8%
Bảo Hiểm	1.1%
Tiền và tương đương tiền	0.3%
Tổng	100.0%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ : 188,098,852,929 đồng
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ : 9,311.82 đồng/ccq, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành : 20,200,000 ccq
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo : 10,254.51 đồng
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo : 8,828.15 đồng
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(23,538,476,797)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	12,201,640,933
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	(2,642,700,203)
4	Tổng chi phí	(833,346,177)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(14,812,882,244)</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ :
  - Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%) : 1.39%
  - Vì đây là kỳ tính đầu tiên của Quỹ ETF VFMVN30 nên không có sự chênh lệch
- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục ;;
  - Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ : 22.93 %
  - Vì đây là kỳ tính đầu tiên của Quỹ ETF VFMVN30 nên không có sự chênh lệch

a) Chi tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) : (14,812,882,244) đồng

(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm) : Không có số liệu do đây là năm tài chính đầu tiên của Quỹ

(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm) : Không có số liệu do đây là năm tài chính đầu tiên của Quỹ

b) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

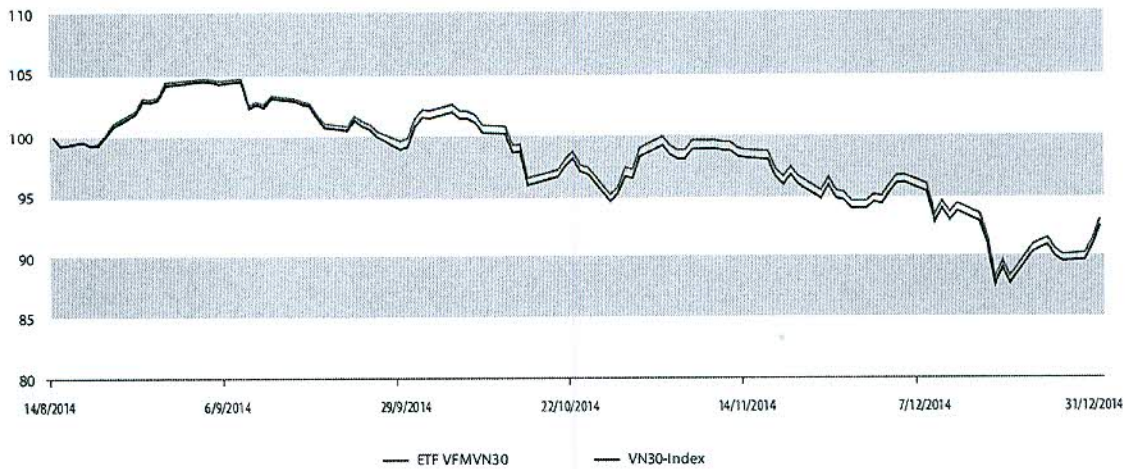
c) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) :

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) :



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị) : không có

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo : không có thông tin do đây là năm tài chính đầu tiên của quỹ .

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất : không áp dụng do đây là năm tài chính đầu tiên của quỹ

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap) : Từ khi Quỹ thành lập đến hết năm 2014, thị trường cổ phiếu trong nước liên tục giảm điểm. Chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức giảm 7.4%. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của việc rớt giá mạnh của giá dầu thô thế giới tác động đến sự suy giảm của nhóm ngành Dầu khí và tâm lý nhà đầu tư trong nước. Trong kỳ NAV/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 có mức giảm 6.9%, phản ánh xu hướng giảm chung của thị trường cổ phiếu Việt Nam

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);

-Số lượng chứng chỉ Quỹ bán ra cho những người có liên quan ngày 19/09/2014 đến 31/12/2014 : 4,100,000 CCQ

- Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại từ những người có liên quan từ ngày 19/09/2014 đến ngày 31/12/2014 : 4,100,000 CCQ

m) Các thông tin khác (nếu có).

#### **4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ ETF đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có) : từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Quỹ không vi phạm các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch

c)

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : từ ngày 18/09/2014 - ngày thành lập quỹ đến ngày 31/12/2014, Quỹ đã thực hiện:

f) Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 24,300,000.00 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 243,000,000,000 đồng;

g) Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 4,100,000 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 41,000,000,000 đồng.

Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ tuân theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: từ ngày 18/09/2014 đến ngày 31/12/2014, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận

## 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng so với chi phí hoạt động	2.31%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với chi phí hoạt động	6.01%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chi làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	18,883,331
2	Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	49,096,696
	<b>Tổng cộng</b>	<b>67,980,027</b>

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ



TRẦN THANH TÂN  
TỔNG GIÁM ĐỐC